

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  
**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: HÁN NÔM**

**Số tín chỉ: 02**

**Dùng cho các lớp: Đại học Du Lịch**

**Mã học phần: 121076**

**Tháng 8/2022**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Trình độ đào tạo: Đại học

**1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: <i>Hán Nôm</i>		<b>Mã học phần</b> <b>121076</b>
Tên tiếng Việt: <i>Hán Nôm</i>		
Tên tiếng Anh: Han Nom		
Học phần: Bắt buộc		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành		
Số tín chỉ: 02		
Số tiết lý thuyết: 18	Số tiết thực hành: 14	
Số tiết bài tập/thảo luận: 10	Số tiết tự học: 90	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Không</i>		
Học phần tiên quyết:		
Học phần kế tiếp:		
Bộ môn quản lý học phần: <i>Ngữ văn</i>		

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	ThS. Mỵ Thị Quỳnh Lê	Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH trường ĐH Hồng Đức	0387662882 mythiquynhle@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	ThS. Vũ Ngọc Định	Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0947463898 vungocdinh@hdu.edu.vn vungoc229@gmail.com	Tham gia

**3. Mô tả tóm tắt học phần**

*Hán Nôm* gồm ba nội dung chính:

- Đại cương về chữ Hán, bao gồm: đại cương về chữ Hán qua nguồn gốc, quá trình phát triển, kết cấu, cách viết chữ, cách phiên âm, dịch nghĩa, cách dùng một số hư tự, các hiện tượng ngữ pháp qua một văn bản Hán văn cụ thể.

- Đại cương về chữ Nôm, bao gồm: Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm, cấu tạo của chữ Nôm và cách đọc một văn bản Nôm.

- Hán Nôm tại di tích, bao gồm: Tên di tích, Hoàn phi - đại tự, câu đối, văn bia.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Sau khi học xong học phần, sinh viên đạt được các chuẩn sau đây:

<b>CĐR HP (CLO)</b>	<b>Mô tả chi tiết CĐR HP</b>	<b>CĐR CTĐT (PLO)</b>
<b><i>Kiến thức (CLO1)</i></b>		
CLO1.1	Trình bày được các khái niệm liên quan đến chuyên ngành Hán Nôm, chữ Hán, chữ Nôm.	PLO7
CLO1.2	Nhận diện được các nét trong một chữ Hán, Hiểu được cấu tạo của một chữ Hán. Ghi nhớ được mặt chữ Hán, phiên âm và ý nghĩa.	PLO7
CLO1.3	Bước đầu viết, phiên âm, dịch nghĩa được một văn bản Hán cụ thể có hướng dẫn của GV.	PLO7
CLO1.4	Hiểu được nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và cấu tạo của một chữ Nôm.	PLO7
CLO1.5	Phân tích cấu tạo của một chữ Nôm.	PLO7
CLO1.6	Vận dụng những kiến thức đã học vào việc đọc hiểu, tra cứu chữ Hán, chữ Nôm.	PLO7, PLO9
CLO1.7	Vận dụng những kiến thức đã học vào việc đọc hiểu văn bản Hán Nôm tại các di tích lịch sử văn hóa.	PLO5
<b><i>Kỹ năng (CLO2)</i></b>		
CLO2.1	Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, phản biện.	PLO10
CLO2.2	Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, tư duy, lập luận logic để giải quyết các vấn đề về môn học, ngành học.	PLO11
CLO2.3	Vận dụng lý thuyết tổng quan để soạn bài văn bản Hán văn Trung đại, giải mã từ Hán Việt.	PLO11, PLO6, PLO4
<b><i>Mức tự chủ và trách nhiệm (CLO3)</i></b>		
CLO3.1	Hình thành quan điểm đúng đắn về ngành nghề mà mình đã chọn	PLO13

<b>CĐR HP (CLO)</b>	<b>Mô tả chi tiết CĐR HP</b>	<b>CĐR CTĐT (PLO)</b>
CLO3.2	Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập	PLO13,14
CLO3.3	Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của nghề	PLO15

### **5. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### **5.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[1]. Đặng Đức Siêu (Chủ biên), Nguyễn Ngọc San (2007), Ngữ văn Hán Nôm, Nxb. ĐH Sư Phạm, HN.

#### **5.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[2]. Phạm Văn Khoái. Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch (2007), Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

[3]. Đặng Đức Siêu, Ngữ văn Hán Nôm, tập 2 (1995), Nxb Giáo dục.

### **6. Đánh giá kết quả học tập**

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

<b>STT</b>	<b>Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>CĐR HP liên quan</b>	<b>Trọng số</b>
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
3	Bài tập luận nhóm	Rubric bài tập nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	60%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Tự luận (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
<b>Thang điểm</b>				10

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

## 7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

### Phần 1. Các vấn đề cơ bản về Chữ Hán

#### Chương 1. Văn tự Hán – nguồn gốc, hình thể, kết cấu (2-1-0-5)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Văn tự Hán - nguồn gốc</p> <p>2. Văn tự Hán – hình thể qua từng thời kỳ</p> <p>3. Văn tự Hán - kết cấu.</p>	2	Lí thuyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập đối với học phần.</li> <li>- Nắm rõ nguồn gốc, quá trình hình thành, quá trình phát triển và kết cấu của chữ Hán.</li> </ul>	- Đọc TL1 (tr. 03 đến tr.30) và các tài liệu liên quan theo yêu cầu của GV.	- Vở ô ly, bút mực, giấy nháp chuẩn bị cho việc tập viết chữ Hán ở bài 2.
<p>1. Trong các nhân tố khiến chữ Hán du nhập vào Việt Nam, nhân tố nào quan trọng nhất, giải thích vì sao?</p> <p>2. Nhận xét về hình thể, quá trình phát triển và kết cấu của văn tự Hán.</p>	1	Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV hiểu rõ và nắm vững những kiến thức đã học ở giờ lý thuyết.</li> <li>- Rèn luyện năng lực đánh giá, phân tích; năng lực hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề., năng lực vận dụng..</li> </ul>	- Đọc TL1 (tr. 03 đến tr.21) và các tài liệu liên quan theo yêu cầu của Gv.	Chuẩn bị biên bản thảo luận nhóm.
		Bài tập Thực hành			
<p>1. Đọc tài liệu, và vận dụng các kiến thức đã học để tìm ra ưu, nhược điểm của chữ hán và những đóng góp của chữ Hán ới với văn học, văn hóa và lịch sử của xã hội Việt</p>	5	Tự học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách tìm kiếm các tài liệu học tập liên quan</li> <li>- Hình thành năng lực tìm kiếm và xử lý tài liệu, năng lực tự học...</li> <li>- Làm quen với chữ Hán, nhận diện các nét, các phần trong một</li> </ul>	Theo yêu cầu của GV.	Sưu tầm những bài viết, hình ảnh về nguồn gốc và sự hình thành chữ Hán.

<p>Nam. 2. Phân tích kết cấu chữ Hán qua các chữ Hán trong các bài thơ “<i>Nam quốc sơn hà</i>”, “<i>Thiên Trường vãn vọng</i>”, “<i>Tẩu lộ</i>”.</p>			chữ Hán.		
<p>Kiểm tra khả năng tiếp thu bài của SV</p>	<p>Trên lớp</p>	<p>KT – ĐG</p>	<p>-SV tiến bộ trong phương pháp phối hợp nhóm và giải quyết hiệu quả các vấn đề.</p>	<p>Theo yêu cầu của GV.</p>	<p>Kiểm tra vở bài tập</p>

**Chương 2: Văn tự Hán – Cách thể hiện (3-1-4-20)**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
1. Các nét cơ bản và biến thể 2. Quy tắc bút thuận 3. Tính cân đối của chữ 4. Lệ ngoại	3	Lí thuyết	- SV phân biệt được chữ Hán cấu tạo theo lối tượng hình, chỉ sự, hội ý hay hình thanh. - Từ đó vận dụng vào việc ghi nhớ nghĩa của chữ Hán, chiết tự được chữ Hán.	Đọc TL [1] tr. 33 – 38 và các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của Gv.	- Chuẩn bị bài theo yêu cầu của GV
1. Tìm các nét cơ bản và biến thể trong các chữ Hán (theo yêu cầu của Gv)	1	Thảo luận	- Vận dụng kiến thức đã học, hiểu sâu, hiểu chắc về các nét, các phần của một chữ Hán.	Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV.	Chuẩn bị biên bản thảo luận nhóm.
2. Viết các chữ Hán có trong bài “ <i>Nam quốc sơn hà</i> ” theo quy tắc bút thuận.	4	Bài tập Thực hành	- Viết đúng các nét, các phần chữ Hán theo quy tắc bút thuận.	- Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV.	Bài tập cá nhân
Viết các chữ Hán có trong bài “ <i>Thiên Trường vãn vọng, Tẩu lộ</i> ” theo quy tắc bút thuận.	20	Tự học	- Viết đúng các nét, các phần chữ Hán theo quy tắc bút thuận. - Rèn luyện kỹ năng tự học.	Làm bài tập theo yêu cầu của Gv.	Làm bài tập theo yêu cầu vào vở bài tập.
Kiểm tra sự tiếp thu bài của Sv.	Trên lớp	KT – ĐG	Sv nắm vững kiến thức bài học.	Theo yêu cầu của GV.	Kiểm tra vở bài tập

**Chương 3. Bộ thủ (2-2-4-20)**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
1. Nét cơ bản 2. Nét biến thể 3. Quy tắc bút thuận 4. Biệt lệ 5. Tính cân đối của chữ Hán	3	Lí thuyết	SV nắm vững và viết thành thạo các nét cơ bản, các nét biến thể, quy tắc bút thuận và phương pháp viết một chữ Hán.	Đọc TL [1] tr. 33 – 38 và các tài liệu có liên quan.	Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.
- Thảo luận và viết theo quy tắc bút thuận qua một số chữ Hán sử dụng trong đời sống thường ngày.	1	Thảo luận/BT	- SV hiểu và nắm chắc những kiến thức đã học ở giờ lý thuyết. - SV nắm vững cách viết một chữ Hán đúng đồng thời được rèn luyện để viết một chữ Hán đẹp.	Bài 3, <i>Tài liệu hướng dẫn học tập</i>	Chuẩn bị biên bản thảo luận nhóm.
Viết theo quy tắc bút thuận những chữ Hán đơn giản.	6	Thực hành	- Sv viết đúng nét, đúng quy tắc những chữ Hán đơn giản.	Tài liệu hướng dẫn học tập	Vở bài tập
- Viết những chữ Hán đơn giản theo yêu cầu của Gv theo quy tắc bút thuận.	20	Tự học		Tài liệu hướng dẫn học tập.	Vở bài tập
Kiểm tra sự tiếp thu bài của SV.	Trên lớp	KT – ĐG	SV nắm vững kiến thức đã học.	Theo yêu cầu của GV.	Thực hiện theo yêu cầu của GV



**Chương 4: Tự, từ và câu trong Hán văn cổ (1-1-0-5)**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
<p>1. Từ tự đến từ</p> <p>2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ</p> <p>3. Từ từ đến câu</p>	1	Lí thuyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV sử dụng đúng từ, tự trong Hán Văn cổ.</li> <li>- SV phân biệt được thực từ, hư từ trong HV cổ.</li> <li>- SV vận dụng kiến thức đã học để dịch được văn bản Hán văn cổ trong chương trình SGK phổ thông.</li> <li>- SV phân biệt được từ tự, từ đơn âm, từ đã âm; phân biệt được từ đơn và từ ghép.</li> <li>- SV vận dụng kiến thức đã học để dịch được văn bản Hán văn cổ trong chương trình SGK phổ thông.</li> </ul>	<p>Đọc TL [1], tr. 70 - 90, [2] tr. 5 - 30 và các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Theo yêu cầu của GV.</p>
<p>1. Phân tích mối quan hệ giữa tự và từ.</p> <p>2. Phân tích kết cấu của các loại từ ghép. Cho ví dụ minh họa.</p>	1	Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV phân biệt được từ tự, từ đơn âm, từ đã âm; phân biệt được từ đơn và từ ghép.</li> <li>- SV vận dụng kiến thức đã học để hiểu được từ đơn, từ ghép thông qua văn bản Hán văn cổ (theo chỉ định của GV).</li> </ul>	<p>Tài liệu hướng dẫn học tập</p>	<p>Biên bản thảo luận nhóm.</p>

		Bài tập Thực hành			
1. Tìm từ đơn, từ ghép chữ Hán trong văn bản Hán (theo yêu cầu của GV). 2. Phân tích chức năng ngữ pháp của hư từ “chi” trong các văn bản Hán theo yêu cầu của GV.	5	Tự học	SV vận dụng kiến thức đã học để phân biệt được từ đơn, từ ghép, thực từ, hư tự... để dịch một văn bản Hán văn đơn giản.	Theo yêu cầu của Gv	Vở bài tập
Kiểm tra sự tiếp thu bài của Sv	Trên lớp	KT – ĐG	SV có sự tiến bộ trong học tập và có phương pháp học tập hiệu quả.	Theo yêu cầu của GV.	Kiểm tra vở ghi chép của SV.

## Phần 2. Đại cương về chữ Nôm

### Chương 5. Các vấn đề trong chữ Nôm (2-1-1-5)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Nguồn gốc</p> <p>2. Cách đọc Hán Việt Việt hóa</p> <p>- Âm tiền Hán Việt</p> <p>- Âm Hán Việt Việt hóa</p> <p>- Âm Hán Việt Việt hóa</p> <p>3. Cách đọc chỉnh âm</p> <p>4. Quá trình phát triển</p>	2	Lí thuyết	<p>- SV nắm vững những vấn đề về nguồn gốc, cách đọc âm tiền Hán Việt và Hán Việt Việt hóa và sự phát triển của chữ Nôm.</p> <p>- SV nắm vững quá trình hình thành chữ Nôm.</p>	Độc TL [2] (tr 271 – 289).	- Theo yêu cầu của GV.
<p>1. Nhận xét về nguồn gốc và quá trình hình thành của chữ Nôm</p> <p>2. So sánh sự khác biệt cơ bản giữa chữ Hán và chữ Nôm</p>	1	Thảo luận/BT	<p>- SV nắm vững sự khác biệt cơ bản của chữ Hán và chữ Nôm.</p> <p>-Rèn luyện năng lực thực hành; năng lực hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề;</p>	Tài liệu hướng dẫn học tập	Biên bản thảo luận nhóm.
<p>1. Học thuộc những chữ Nôm tiền Hán Việt và Hán Việt; những chữ Nôm Hán Việt Việt hóa từ trang 278 – 288 (Tài liệu 2).</p> <p>2. Học thuộc sơ đồ luật chỉnh âm đầu (trang 289).</p>	1	Bài tập /Thực hành	<p>- Sv nắm rõ những chữ Nôm tiền Hán Việt và những chữ Nôm Hán Việt – Việt Hán.</p> <p>- Nắm chắc sơ đồ chỉnh âm đầu.</p>	Tài liệu hướng dẫn học tập theo hướng dẫn của GV.	Vở bài tập
- Làm quen với			SV vận dụng	Tài liệu	Vở bài tập

văn bản Nôm <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du	5	Tự học	những kiến thức đã học để nhận diện chữ Nôm đơn và chữ Nôm ghép.	hướng dẫn học tập theo hướng dẫn của GV.	
Kiểm tra sự tiếp thu bài của SV	Trên lớp	KT – ĐG	SV nắm vững những kiến thức đã học	Theo yêu cầu của GV.	Kiểm tra vở ghi chép của SV.

**Chương 6: Cấu trúc của chữ Nôm (2-1-1-5)**

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Loại chữ Nôm vay mượn chữ Hán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại A1: đọc theo âm Hán Việt và mượn nghĩa</li> <li>- Loại A2: đọc theo âm Tiền Hán Việt và Hán Việt Việt hóa và mượn nghĩa</li> <li>- Loại A3: đọc âm Hán Việt bỏ nghĩa</li> <li>- Loại A4: đọc chệch âm Hán Việt.</li> </ul> <p>2. Loại chữ Nôm tự tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại B1: Chữ Nôm và ký hiệu phụ</li> <li>- Loại B2: Dùng ký hiệu chính âm đầu</li> <li>- Loại B3: chữ Hán và bộ thủ chỉ ý</li> <li>- Loại B4: Chữ Hán chỉ âm và chữ Hán</li> </ul> <p>1. Vẽ sơ đồ tư duy loại chữ Nôm ký hiệu A và loại chữ Nôm</p>	2	Lí thuyết	<p>1. Vẽ sơ đồ tư duy loại chữ Nôm ký hiệu A và loại chữ Nôm ký hiệu B. Từ đó đưa ra kết luận, sự khác nhau cơ bản giữa hai loại chữ Nôm này.</p> <p>2. Học thuộc bảng chữ Nôm viết tắt.</p> <p>3. Tự tạo những chữ Nôm đơn giản theo yêu cầu của Gv.</p>	[1] tr. 9 - 74, [2] tr. 5 - 30	- Đọc giáo trình [1] bài khái quát tr. 5-16, tr. 39 - 74 và lập đề cương.

<p>ký hiệu B. Từ đó đưa ra kết luận, sự khác nhau cơ bản giữa hai loại chữ Nôm này.</p> <p>2. Học thuộc bảng chữ Nôm viết tắt.</p> <p>3. Tự tạo những chữ Nôm đơn giản theo yêu cầu của Gv.</p>					
<p>1. Vẽ sơ đồ tư duy loại chữ Nôm ký hiệu A và loại chữ Nôm ký hiệu B. Từ đó đưa ra kết luận, sự khác nhau cơ bản giữa hai loại chữ Nôm này.</p> <p>2. Học thuộc bảng chữ Nôm viết tắt.</p> <p>3. Tự tạo những chữ Nôm đơn giản theo yêu cầu của Gv.</p>	1	Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nắm chắc hệ thống kiến thức về hai loại chữ Nôm vay mượn và chữ Nôm tự tạo.</li> <li>- SV học thuộc được bản chữ Nôm viết tắt, vận dụng vào quá trình đọc văn bản Nôm.</li> <li>- Rèn luyện năng lực thực hành; năng lực hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; tư duy sáng tạo....</li> </ul>	[1], [2] và các tài liệu theo hướng dẫn của Gv.	Biên bản thảo luận nhóm
Thực hành đọc những chữ Nôm cơ bản	1	Bài tập/Thực hành	Sv đọc và ghi nhớ được những chữ Nôm đơn giản.	Tiếp cận <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du).	Vở bài tập
Tiếp cận thơ Nôm <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du) theo chỉ dẫn của Gv.	5	Tự học		Tài liệu hướng dẫn học tập	Làm bài tập theo yêu cầu của Gv vào vở bài tập
Kiểm tra sự tiếp thu bài của SV.	Trên lớp	KT – ĐG	SV nắm vững những kiến thức	Theo yêu cầu của GV.	Kiểm tra vở ghi, vở bài

			đã học.		tập của SV.
--	--	--	---------	--	-------------

**Phần 3: Văn bản Hán Nôm tại di tích**

**Chương 7: Đọc tên di tích (2-1-1-7)**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên di tích</li> <li>- Tên chữ của các di tích lịch sử văn hóa</li> <li>+ Vị trí ghi tên chữ của di tích</li> <li>+ Kết cấu cú pháp của tên chữ</li> <li>+ Các yếu tố chung trong phức thể tên chữ</li> <li>+ Bộ phận hạn định trong phức thể tên di tích</li> </ul>	2	Lí thuyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nắm được:</li> <li>+ Cách đọc tên di tích; các kiểu cấu tạo, bố trí từ ngữ và ý nghĩa trong tên di tích.</li> <li>+ Đặc trưng và sự khác nhau giữa các loại hình di tích</li> <li>+ Kết cấu cú pháp của tên di tích;</li> <li>+ Phân tích và hiểu được ý nghĩa của tên di tích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- [3] (tr. 99 - 121)</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn học tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đọc tài liệu theo yêu cầu của Gv;</li> <li>Chuẩn bị bài: Đọc tài liệu, sưu tầm ảnh các di tích tại địa phương</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc ngữ pháp trong tên di tích.</li> <li>- Ngôn từ trong tên di tích</li> </ul>	1	Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV hiểu và nắm chắc những kiến thức đã học ở giờ lý thuyết.</li> <li>- Hiểu cách dịch một bài thơ và cách cảm một bài thơ chữ Hán.</li> </ul>	Tài liệu hướng dẫn học tập	Biên bản thảo luận nhóm.
<ul style="list-style-type: none"> <li>Cho các tên di tích, yêu cầu</li> <li>- Viết lại chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa</li> <li>- Phân tích cấu trúc ngữ pháp và</li> <li>- Phân biệt loại hình di tích</li> </ul>	1	Bài tập Thực hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV viết được chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa các tên di tích</li> <li>- Sv nắm vững cấu trúc ngữ pháp và cách đọc tên di tích</li> <li>- Biết phân biệt loại hình di tích thông qua tên gọi</li> </ul>	Tài liệu hướng dẫn học tập.	Vở bài tập

			di tích.		
<b>Tại di tích</b> Viết, đọc, phiên âm, dịch nghĩa tên di tích tại địa phương.	7	Tự học	- SV viết, phiên âm, dịch nghĩa, hiểu được nội dung gửi gắm của tên di tích.	Tài liệu hướng dẫn học tập	Vở bài tập
Kiểm tra sự tiếp thu bài của SV.	Trên lớp	KT – ĐG	SV nắm vững lý thuyết về tên di tích, cách đọc tên di tích, kết cấu ngữ pháp của tên di tích, ý nghĩa của tên di tích.	Theo yêu cầu của GV.	Kiểm tra vở ghi, vở bài tập, ảnh sưu tầm tại di tích.



**Chương 8: Hoàn phi – câu đối (2-1-1-7)**

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Vài nét về hoàn phi - đại tự</p> <p>2. Phân loại hoàn phi - đại tự</p> <p>3. Những vấn đề chung về câu đối</p> <p>4. Cách bài trí hoàn phi – câu đối.</p> <p>5. Ý nghĩa của hoàn phi – câu đối.</p>	2	Lí thuyết	<p>- SV hiểu thế nào là Hoàn phi, thế nào là câu đối, hiểu được quy luật đọc, quy luật bài trí, ý nghĩa và cách phân loại câu đối của Hoàn phi – Câu đối.</p>	<p>[3] (tr. 122 - 164)</p> <p>- Tài liệu hướng dẫn học tập</p>	<p>Đọc tài liệu theo yêu cầu của Gv;</p> <p>Chuẩn bị bài: Đọc tài liệu, sưu tầm ảnh các di tích tại địa phương</p>
<p>- Vai trò của HP-ĐT trong tích.</p> <p>- Nội dung, chủ đề của HP - ĐT trong các loại hình di tích</p>	1	Thảo luận	<p>- SV phân biệt được sự khác nhau giữa Hoàn phi và Câu đối.</p> <p>- SV nắm được vì sao trong các loại hình di tích khác nhau thì nội dung của HP – Câu đối lại khác nhau</p>	Tài liệu hướng dẫn học tập	Biên bản thảo luận nhóm.
<p>Cho các mẫu Hoàn phi – Câu đối:</p> <p>- Đọc, chép lại, phiên âm, dịch nghĩa Hoàn phi câu đối</p> <p>- Phân tích cấu trúc ngữ pháp và</p>	1	Bài tập Thực hành	<p>- SV viết được chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa các tên di tích</p> <p>- Sv nắm vững cấu trúc ngữ pháp và cách đọc tên di tích</p> <p>- Biết phân biệt loại hình di tích thông qua tên gọi di tích.</p>	Tài liệu hướng dẫn học tập.	Vở bài tập

trình bày cách hiểu về Hoàn phi câu đối được cho.					
<b>Tại di tích</b> Viết, đọc, phiên âm, dịch nghĩa Hoàn phi – câu đối tại địa phương.	7	Tự học (ở nhà)	- SV viết, phiên âm, dịch nghĩa, hiểu được nội dung gửi gắm qua Hoàn phi – Câu đối tại di tích.	Tài liệu hướng dẫn học tập	Vở bài tập
Kiểm tra sự tiếp thu bài của SV.		KT – ĐG	SV nắm vững lý thuyết về hoàn phi đại tự; câu đối; cách bài trí hoàn phi – câu đối; ý nghĩa của bộ hoàn phi câu đối được treo tại di tích.	Theo yêu cầu của GV.	Kiểm tra vở ghi, vở bài tập, ảnh sưu tầm tại di tích.

**Chương 8: Văn bia (2-1-1-6)**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
Văn bia và cách đọc văn bia <i>1. Niên đại</i> <i>2. Hoa văn</i> <i>3. Tác giả</i> <i>4. Nội dung</i>	2	Lí thuyết	SV nắm được: 1. Các bộ phận của một tấm bia. 2. Cách đọc văn bia và những lưu ý khi tiếp cận văn bia	Đọc TL [3], (tr. 165 – 174) - Tài liệu hướng dẫn học tập	Đọc tài liệu theo yêu cầu của Gv; Chuẩn bị bài: Đọc tài liệu, sưu tầm ảnh văn bia các di tích tại địa phương (nếu có).
- Hoa văn trên văn bia - Lối viết dài và ký huy trên văn bia - Đặc trưng về ngôn từ trong văn bia	1	Thảo luận	- SV nắm được các kiểu hoa văn trên văn bia - Thông qua hoa văn xác định được niên đại của văn bia	Tài liệu hướng dẫn học tập	Biên bản thảo luận nhóm.
Cho một văn bia đơn giản, yêu cầu: Chép chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa và trình bày suy nghĩ về văn bia.	1	Bài tập Thực hành	Sv viết được tiếp cận với một văn bia thực tế, viết được chữ Hán, đọc được phiên âm, dịch nghĩa và hiểu được nội dung văn bia.	Tài liệu hướng dẫn học tập.	Vở bài tập
Tại di tích Tiếp cận một văn bia cụ thể	6	Tự học	- SV được tiếp cận thực tế một văn bia cụ thể.	Tài liệu hướng dẫn học tập	Vở bài tập
Kiểm tra sự tiếp thu bài của SV.		KT – ĐG	SV nắm vững kiến thức đã học.	Theo yêu cầu của	Thực hiện theo yêu cầu

				GV.	của GV
--	--	--	--	-----	--------

**Bài ÔN TẬP**

<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Chuẩn đầu ra HP</b>	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>Yêu cầu SV chuẩn bị</b>
- Giải đáp thắc mắc của SV liên quan đến môn học; + Khái quát những vấn đề đã học, trọng tâm của mỗi nội dung và những vấn đề cần lưu ý.			- Nắm chắc những vấn đề đã học; - Kỹ năng làm bài thi đạt hiệu quả.	Theo yêu cầu của Gv.	Theo chỉ dẫn của Gv.
Ôn thi theo sự hướng dẫn của GV.		Tự học	SV nắm chắc những kiến thức đã học.	Theo hướng dẫn của GV.	Theo hướng dẫn của gv.
GV kiểm tra sự tiếp thu và sự hiểu, vận dụng kiến thức đã học của SV.		KT – ĐG	SV hiểu, nắm vững kiến thức đã học, biết vận dụng những kiến thức đã học.	Theo hướng dẫn của GV.	Theo hướng dẫn của GV.



## 8. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu môn học và ĐCCT học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham dự thi khi có đủ điều kiện dự thi.

## 9. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.
- Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình.

## 10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 1</b> Ngày ... tháng ... năm.....	<b>Người cập nhật</b>
<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 2</b> Ngày ... tháng ... năm.....	<b>Người cập nhật</b>

*Ghi chú:* ĐC CTHP do GV biên soạn, Bộ môn góp ý và tổ chức thẩm định, Trưởng khoa thẩm định và phê duyệt; ĐC CTHP được cung cấp cho sinh viên ngay từ đầu buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên phải giải thích thêm cho sinh viên trong giờ học đầu tiên và trong suốt quá trình dạy học bộ môn.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022

**Duyệt của Khoa KHXH**  
**Trưởng khoa**

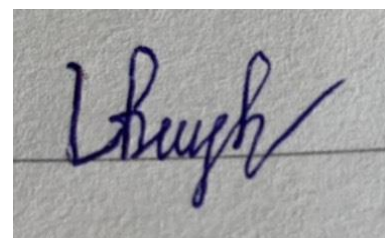


**PGS.TS. Mai Văn Tùng**

**Trưởng Bộ môn**  
(Ký/họ tên)

**TS. Vũ Thanh Hà**

**Giảng viên**  
(Ký/họ tên)



**ThS. My Quỳnh Lê**

**PHỤ LỤC**  
**RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

**1. Rubric kiểm tra thường xuyên**

**1.1. Rubric đánh giá chuyên cần**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Chuyên cần (10%)</i>					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học - Thực hiện đạt $\geq 80\%$ nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự <80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90%-94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95%-100% số giờ lên lớp lý thuyết

**1.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập cá nhân (10%)</i>					
Nội dung	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Không thực hiện được bài	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng	Có khả năng vận dụng kiến	Bài làm có tính vận dụng sáng

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập cá nhân (10%)</i>					
		tập	trên lớp	thức	tạo
Khả năng phân tích, tổng hợp, sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích, tổng hợp được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

### 1.3. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm 10	Không đạt 0- 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập nhóm (10%)</i>					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ,	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0



Tiêu chí	Thang điểm 10	Không đạt 0- 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập nhóm (10%)</i>					
Thỏa đáng		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến <0,5	0,5 đến <0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

## 2. Rubric kiểm tra giữa kì

Tiêu chí	Thang điểm 10	Không đạt 0- 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập giữa kì (20%)</i>					
Nội dung	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Tiêu chí	Thang điểm 10	Không đạt 0- 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập giữa kì (20%)</i>					
phân tích, tổng hợp, sáng tạo		Không phân tích, tổng hợp được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

### 3. Rubric thi cuối kì

Tiêu chí	Thang điểm 10	Không đạt 0- 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65-79%	Tốt 80 -100%
<i>Bài tập cuối kì (50%)</i>					
Nội dung	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích, tổng hợp, sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích, tổng hợp được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

Ngày 03 tháng 10 năm 2022